

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6 năm 2025
Tháng 6, quý II và 6 tháng đầu năm 2026

	Tháng 6 năm báo cáo so với:				Bình quân quý II năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024	Bình quân 6 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024
	Kỳ gốc 2019	Tháng 6 năm 2024	Tháng 12 năm 2024	Tháng 5 năm 2025		
1. Chỉ số giá tiêu dùng	119,88	103,75	102,47	100,20	103,65	103,42
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	124,77	102,86	100,82	99,45	103,85	103,44
Trong đó: Lương thực	129,44	99,58	95,21	98,59	100,31	100,43
Thực phẩm	122,57	102,71	101,52	99,64	104,07	103,77
Ăn uống ngoài gia đình	129,50	105,35	102,11	99,39	105,33	104,22
Đồ uống và thuốc lá	119,39	103,84	102,53	100,32	103,95	104,19
May mặc, mũ nón và giày dép	109,18	102,86	100,72	99,72	102,70	102,29
Nhà ở và vật liệu xây dựng	126,98	108,40	105,28	101,47	107,35	106,03
Thiết bị và đồ dùng gia đình	114,97	101,31	101,01	100,17	101,37	101,55
Thuốc và dịch vụ y tế	132,38	117,17	116,68	100,04	117,27	117,34
Trong đó: Dịch vụ y tế	138,99	123,12	123,12	100,00	123,12	123,12
Giao thông	108,69	97,92	100,41	101,46	95,25	96,28
Bưu chính viễn thông	99,40	99,52	99,71	99,99	99,62	99,73
Giáo dục	117,79	100,22	100,07	100,00	100,23	100,20
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	116,58	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	105,21	99,63	100,98	99,89	99,75	99,70
Hàng hóa và dịch vụ khác	122,63	107,04	101,42	99,97	107,23	107,20
2. Chỉ số giá vàng	280,41	145,70	129,50	97,20	143,56	140,29
3. Chỉ số giá đô la Mỹ	112,54	102,85	102,82	100,18	102,65	103,12